

### CHƯƠNG III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

#### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật: Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt.

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí theo bảng dưới đây đều được đánh giá là đạt.

| Nội dung đánh giá   |   | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|---|---------------------------------|
| <b>1. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa</b>  |   |                                 |
| Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa  | Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu của E-HSMT tại Chương V mục 1.2 Yêu cầu về kỹ thuật   | <b>Đạt</b>                      |
|   | Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa không phù hợp, không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT tại Chương V mục 1.2 Yêu cầu về kỹ thuật   | <b>Không đạt</b>                |
| <b>2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa</b>                                |   |                                 |
| Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa. | Có giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa hợp lý và hiệu quả.   | <b>Đạt</b>                      |
|   | Không có giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa hợp lý và hiệu quả.   | <b>Không đạt</b>                |
| <b>3. Tiến độ cung cấp hàng hóa</b>   |   |                                 |
| Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT.  | Có Bảng tiến độ cung cấp, lắp đặt hàng hóa hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Theo mẫu số 10A. Bảng tiến độ cung cấp Chương IV Biểu mẫu mời thầu và dự thầu | <b>Đạt</b>                      |
|   | Không có Bảng tiến độ cung cấp, lắp đặt hàng hóa hoặc có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.  | <b>Không đạt</b>                |
| <b>4. Khả năng thích ứng với TTBYT</b>  |   |                                 |
| Khả năng tương thích  | Hàng hóa phải đảm bảo tính tương thích của thiết bị, sau khi thay thế sửa chữa xong máy phải hoạt động bình thường  | <b>Đạt</b>                      |
|   | Hàng hóa không đảm bảo tính tương thích   | <b>Không đạt</b>                |

| Nội dung đánh giá                                     |  | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|--|---------------------------------|
|   | của thiết bị, sau khi thay thế sửa chữa xong máy không hoạt động hoặc hoạt động nhưng không đầy đủ hết các chức năng như bình thường.  |                                 |
| <b>5. Khả năng bảo hành, bảo trì</b>                  |  |                                 |
| Thời gian Bảo hành theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất. | Thời gian bảo hành $\geq 90$ ngày<br>(Nhà thầu phải có bảng cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung bảo hành theo quy định của nhà sản xuất trong thời gian trên, cam kết phải có đầy đủ chữ ký và con dấu của nhà thầu)     | <b>Đạt</b>                      |
|   | Thời gian bảo hành $< 90$ ngày<br>(Nhà thầu không có bảng cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung bảo hành theo quy định của nhà sản xuất trong thời gian trên, hoặc cam kết không có đầy đủ chữ ký và con dấu của nhà thầu) | <b>Không đạt</b>                |
| <b>Kết luận<sup>(1)</sup></b>                         |  | -----                           |

(1) HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí được đánh giá là đạt. HSDT được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có 01 tiêu chí được đánh giá là không đạt. HSDT không đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật thì sẽ bị loại và không được xem xét đánh giá về giá.